

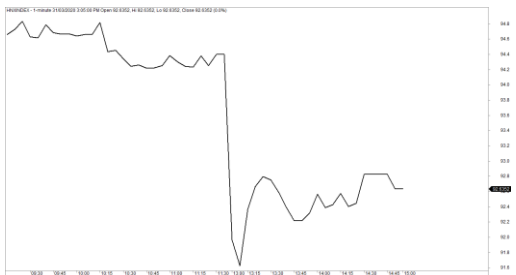
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	662.53	92.64	47.74
% ngày	0.04%	-0.69%	0.23%
% tuần	0.50%	-4.45%	-1.59%
% tháng	-24.90%	-15.46%	-13.28%
% năm	-32.45%	-13.78%	-16.97%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,343	366	201
TB 1 tuần	3,905	413	231
TB 1 tháng	4,278	682	276
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	359.19	4.76	36.00
Bán	752.40	19.28	42.89
Giá trị ròng	-393.22	-14.51	-6.89
Độ rộng TT			
Mã Tăng	137	67	160
Mã Giảm	185	95	100
Không Đổi	70	211	643
Chỉ số chính			
P/E	10.28	8.08	12.09
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,312	180	678
LS Cổ tức	3.71%	6.55%	5.22%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Chỉ số VN-Index biến động mạnh trong phiên chiều khi giảm về đáy cũ quanh 650 điểm. Nỗ lực hồi phục tích cực được ghi nhận từ ngưỡng này giúp VN-Index đóng cửa tại 662.53 điểm tăng nhẹ 0.04%. Chỉ số HNX-Index ngược lại giảm 0.69% đóng cửa tại 92.64 điểm, Upcom-Index tăng 0.23%. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt quanh 3,000 tỷ đồng toàn thị trường.

Mặc dù biến động mạnh những lực cung tiếp tục suy yếu thể hiện ở thanh khoản thấp. Đồng thời, nhóm bluechips có sự phân hoá tích cực hơn trong đó chỉ CTD, VPB, EIB, ROS đóng cửa ở giá sàn. Ở chiều ngược lại, VIC(+2.5%), HDB(+3.2%), BVH(+2.8%), VCB(+1.6%) mạnh hơn thị trường chung. HPG(+3.15) tiếp tục có phiên phản ứng tích cực tại ngưỡng 15,000 đồng/cp, chốt phiên tại 16,850 đồng. Được biết mảng điện lạnh của Hoà Phát trong Q1.2020 ghi nhận tăng trưởng 77% n/n.

Một số mã đi ngược thị trường với mức tăng mạnh như HQC(+5.3%), PTB(+4.6%), FRT(+6.2%).

Khối ngoại tiếp tục có chuỗi phiên bán ròng thứ 2 liên tiếp với 414 tỷ đồng toàn thị trường. MSN(125 tỷ), VIC(72.5 tỷ), VNM(35.2 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, không có mã nào được mua ròng hơn 10 tỷ.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục nhẹ trong phiên kế tiếp và nếu đà tăng được giữ thêm trong 1 – 2 phiên giao dịch tới thì nhiều khả năng rủi ro ngắn hạn có thể sẽ giảm đáng kể. Chỉ số VN-Index đang phải đối mặt với hai vùng kháng cự ngắn hạn là 680 – 683 điểm và 695 – 710 điểm, nếu đồ thị giá có thể vượt được lần lượt hai vùng kháng cự này thì xu hướng ngắn hạn có thể sẽ tích cực hơn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức thấp cho nên chiến lược phù hợp là tiếp tục đứng ngoài thị trường.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 710.09 của chỉ số VN-Index và 100.10 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài thị trường và quan sát thêm diễn biến thị trường ở vài phiên tới. Đồng thời, các nhà đầu tư nên hạn chế mở vị thế mua mới trong giai đoạn này.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 12% cổ phiếu/88% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

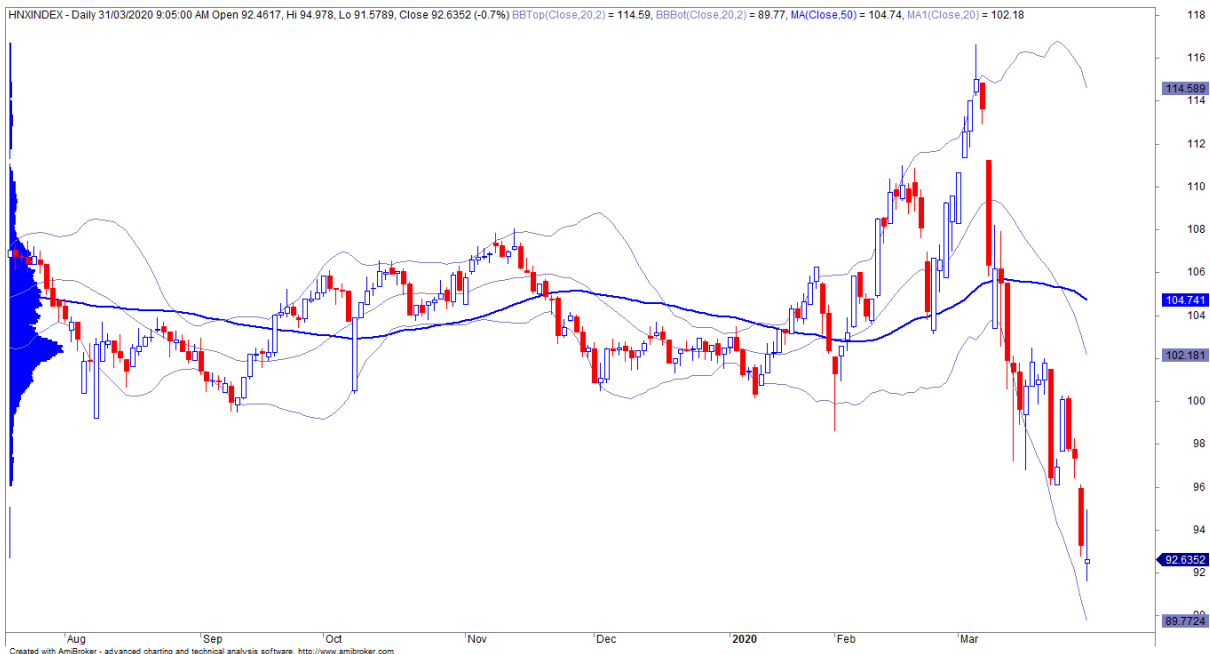


We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	9.39	GIẢM	GIẢM		10.83				12.73		
ACB	17.80	GIẢM	GIẢM		21.26				25.71		
ACV	42.20	GIẢM	GIẢM		49.29				65.25		
ANV	12.55	GIẢM	GIẢM		15.40				18.94		
ASM	3.42	GIẢM	GIẢM		4.23				6.00		
BFC	10.00	GIẢM	GIẢM		10.95			12.25	10.54	-13.95%	BÁN
BID	30.85	GIẢM	GIẢM		35.41				41.74		
BMP	33.95	GIẢM	GIẢM		36.50				42.27		
BSR	4.80	GIẢM	GIẢM		6.03				8.34		
BVH	37.00	TĂNG	GIẢM	39.50	34.46	-6.33%			47.54		
BWE	16.00	GIẢM	GIẢM		18.39				21.73		
CEO	5.90	GIẢM	GIẢM		6.75				8.32		
CII	18.10	GIẢM	GIẢM		20.46				23.64		
CMG	22.50	GIẢM	GIẢM		24.25				28.95		
CMX	10.50	GIẢM	TĂNG		11.47			13.50	9.24	-22.22%	
CSM	13.90	GIẢM	TĂNG		14.58			12.25	13.53	13.47%	
CTD	44.95	GIẢM	GIẢM		55.26				67.70		
CTG	17.20	GIẢM	GIẢM		20.13				24.83		
CTR	27.60	GIẢM	GIẢM		33.04				43.49		
CVT	15.00	GIẢM	GIẢM		16.11				18.25		
DCM	5.31	GIẢM	GIẢM		5.84				6.22		
DGC	19.40	GIẢM	GIẢM		22.51				25.53		
DGW	17.70	GIẢM	GIẢM		20.11				25.53		
DHA	29.25	GIẢM	GIẢM		29.95				32.52		
DHC	32.00	GIẢM	GIẢM		34.43				41.54		
DHG	79.00	TĂNG	GIẢM	82.50	74.41	-4.24%			95.02		
DIG	10.35	GIẢM	GIẢM		11.60				13.56		
DPG	21.30	GIẢM	GIẢM		25.53				32.83		
DPM	11.45	TĂNG	GIẢM	12.05	10.76	-4.98%			12.75		
DPR	34.65	GIẢM	GIẢM		36.94				39.50		
DQC	15.65	GIẢM	TĂNG		16.23			16.00	12.92	-2.19%	
DRC	14.55	GIẢM	GIẢM		17.54				21.53		
DXG	7.75	GIẢM	GIẢM		9.72				13.46		
EIB	14.65	GIẢM	GIẢM		16.80				17.80		



We Create Fortune

FCN	6.79	GIẢM	GIẢM		7.57				8.77		
FMC	15.95	GIẢM	GIẢM		18.51				22.63		
FPT	41.10	GIẢM	GIẢM		44.52				54.91		
GAS	54.80	GIẢM	GIẢM		61.27				70.87		
GEX	13.80	TĂNG	GIẢM	14.60	13.19	-5.48%			16.80		
GIL	14.75	GIẢM	GIẢM	17.20	15.09	-12.28%	BÁN		20.23		
GMD	14.95	GIẢM	GIẢM		16.55				19.16		
GTN	13.95	GIẢM	GIẢM		14.89				17.14		
GVR	8.38	GIẢM	GIẢM		9.49				12.77		
HAG	2.55	GIẢM	GIẢM		2.83				3.58		
HAX	9.88	GIẢM	GIẢM		11.22				13.59		
HBC	6.02	GIẢM	GIẢM		7.21				10.04		
HCM	11.15	GIẢM	GIẢM		13.38				17.06		
HDB	17.80	GIẢM	GIẢM		19.70				25.75		
HDC	15.15	GIẢM	GIẢM		16.68				18.98		
HDG	16.40	GIẢM	GIẢM		18.73				23.56		
HNG	12.20	GIẢM	GIẢM		12.81				13.92		
HPG	16.85	GIẢM	GIẢM		17.87				22.42		
HSG	4.55	GIẢM	GIẢM		5.39				7.39		
HT1	10.00	GIẢM	GIẢM		11.66				13.94		
HUT	1.30	GIẢM	GIẢM		1.74				2.33		
HVN	17.80	GIẢM	GIẢM		20.26				25.28		
KBC	11.10	GIẢM	GIẢM		11.57				13.66		
KDH	18.50	GIẢM	GIẢM		20.52				22.80		
KSB	12.20	GIẢM	GIẢM		13.81				19.39		
LCG	3.70	GIẢM	GIẢM		4.50				6.36		
LDG	4.15	GIẢM	GIẢM		5.21				7.48		
LHG	11.60	GIẢM	GIẢM		12.50				14.04		
LPB	5.60	GIẢM	GIẢM		6.71				8.58		
MBB	13.55	GIẢM	GIẢM		15.40				19.35		
MPC	17.70	GIẢM	GIẢM		20.47			24.10	17.84	-25.97%	
MSN	49.00	GIẢM	GIẢM		52.20				56.41		
MSR	14.60	TĂNG	GIẢM	15.00	14.16	-2.67%			16.05		
MWG	58.90	GIẢM	GIẢM		71.19				91.41		
NDN	13.30	GIẢM	GIẢM		14.65				16.36		
NKG	4.40	GIẢM	GIẢM		5.43				7.69		
NLG	20.00	GIẢM	GIẢM		20.64				25.36		
NT2	16.25	GIẢM	GIẢM		17.70				19.57		
NTL	15.10	TĂNG	GIẢM	17.50	14.59	-13.71%			20.21		



We Create Fortune

NVL	51.90	GIẢM	GIẢM		52.71				55.62		
OIL	6.00	GIẢM	GIẢM		6.70				7.68		
PAC	17.00	GIẢM	GIẢM		19.25				23.19		
PC1	10.10	GIẢM	GIẢM		11.78				14.26		
PDR	24.90	GIẢM	GIẢM		25.89			29.00	25.19	-13.13%	BÁN
PHR	33.00	GIẢM	GIẢM		38.82			47.20	38.94	-17.50%	BÁN
PLX	36.50	TĂNG	GIẢM	39.97	35.18	-8.68%			46.58		
PNJ	46.90	GIẢM	GIẢM		55.14				67.87		
POW	7.09	GIẢM	GIẢM		8.24				10.61		
PVT	7.85	GIẢM	GIẢM		8.53				10.72		
PPC	21.10	GIẢM	GIẢM		22.72				26.83		
PTB	34.40	GIẢM	GIẢM		37.95				52.15		
PVB	7.60	GIẢM	GIẢM		10.03				13.29		
PVD	6.75	GIẢM	GIẢM		8.31				11.30		
PVI	27.20	GIẢM	GIẢM		29.43				31.50		
PVS	9.00	GIẢM	GIẢM		11.23				13.92		
PXS	2.48	GIẢM	GIẢM		3.21				4.75		
QNS	22.40	TĂNG	GIẢM	22.60	20.98	-0.88%			25.66		
REE	27.30	GIẢM	GIẢM		29.48				32.65		
SAB	123.00	GIẢM	GIẢM		133.25				164.90		
SAM	9.00	GIẢM	TĂNG		9.54			7.40	8.90	21.62%	
SCR	3.59	GIẢM	GIẢM	4.38	3.81	-13.07%	BÁN		5.09		
SHI	8.01	GIẢM	GIẢM		8.47				9.06		
SJS	14.70	GIẢM	GIẢM		17.33			17.00	16.65	-2.08%	BÁN
SKG	7.10	GIẢM	GIẢM		8.10				11.00		
SSI	11.60	GIẢM	GIẢM		13.17				16.31		
STB	7.30	GIẢM	GIẢM		8.87				11.83		
TCB	15.00	GIẢM	GIẢM		16.84				20.87		
TCM	11.40	GIẢM	GIẢM		13.23				17.11		
TDH	5.79	GIẢM	GIẢM		6.72				8.43		
TLH	2.55	GIẢM	GIẢM		2.86				3.56		
TNG	7.70	GIẢM	GIẢM		10.01				15.30		
VCB	62.00	GIẢM	GIẢM		64.42				78.00		
VCG	24.50	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	53.00	GIẢM	GIẢM		57.06				69.83		
VGC	14.10	GIẢM	GIẢM		14.80				17.44		
VGT	5.90	GIẢM	GIẢM		7.01				8.92		
VHC	20.50	GIẢM	GIẢM		24.15				30.49		
VHM	55.00	GIẢM	GIẢM		64.11				78.59		

We Create Fortune

VIB	12.80	GIẢM	GIẢM		14.76				17.41		
VIC	83.40	TĂNG	GIẢM	86.80	72.56	-3.92%			98.28		
VIP	3.94	GIẢM	GIẢM		4.32				4.93		
VJC	97.20	GIẢM	GIẢM		103.23				113.29		
VND	11.35	GIẢM	GIẢM		12.39				14.43		
VNG	12.60	GIẢM	GIẢM		12.82				15.42		
VNM	91.00	TĂNG	GIẢM	94.00	85.45	-3.19%			105.54		
VPB	16.95	GIẢM	GIẢM		20.83				25.42		
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		41.91			41.30	40.58	-0.73%	
VRC	4.33	GIẢM	GIẢM		5.73				9.04		
VRE	19.15	GIẢM	GIẢM		20.43				27.26		
VSC	20.50	GIẢM	GIẢM		21.46				24.04		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	17.80	GIẢM	GIẢM		21.26				25.71		
BID	30.85	GIẢM	GIẢM		35.41				41.74		
BSR	4.80	GIẢM	GIẢM		6.03				8.34		
BVH	37.00	TĂNG	GIẢM	39.50	34.46	-6.33%			47.54		
CTG	17.20	GIẢM	GIẢM		20.13				24.83		
FPT	41.10	GIẢM	GIẢM		44.52				54.91		
GAS	54.80	GIẢM	GIẢM		61.27				70.87		
GEX	13.80	TĂNG	GIẢM	14.60	13.19	-5.48%			16.80		
GVR	8.38	GIẢM	GIẢM		9.49				12.77		
HDB	17.80	GIẢM	GIẢM		19.70				25.75		
HNG	12.20	GIẢM	GIẢM		12.81				13.92		
HPG	16.85	GIẢM	GIẢM		17.87				22.42		
HVN	17.80	GIẢM	GIẢM		20.26				25.28		
KDH	18.50	GIẢM	GIẢM		20.52				22.80		
MBB	13.55	GIẢM	GIẢM		15.40				19.35		
MSN	49.00	GIẢM	GIẢM		52.20				56.41		
MWG	58.90	GIẢM	GIẢM		71.19				91.41		
NVL	51.90	GIẢM	GIẢM		52.71				55.62		
OIL	6.00	GIẢM	GIẢM		6.70				7.68		
PLX	36.50	TĂNG	GIẢM	39.97	35.18	-8.68%			46.58		
PNJ	46.90	GIẢM	GIẢM		55.14				67.87		

We Create Fortune

POW	7.09	GIẢM	GIẢM		8.24				10.61		
QNS	22.40	TĂNG	GIẢM	22.60	20.98	-0.88%			25.66		
REE	27.30	GIẢM	GIẢM		29.48				32.65		
ROS	3.26	GIẢM	GIẢM		4.45				8.98		
SBT	12.70	GIẢM	GIẢM		13.91				17.56		
SSI	11.60	GIẢM	GIẢM		13.17				16.31		
STB	7.30	GIẢM	GIẢM		8.87				11.83		
TCB	15.00	GIẢM	GIẢM		16.84				20.87		
TPB	17.15	GIẢM	GIẢM		20.85				23.94		
VCB	62.00	GIẢM	GIẢM		64.42				78.00		
VCG	24.50	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	53.00	GIẢM	GIẢM		57.06				69.83		
VEA	28.00	GIẢM	GIẢM		31.79				59.45		
VGI	19.40	GIẢM	GIẢM		22.39				28.07		
VHM	55.00	GIẢM	GIẢM		64.11				78.59		
VIB	12.80	GIẢM	GIẢM		14.76				17.41		
VIC	83.40	TĂNG	GIẢM	86.80	72.56	-3.92%			98.28		
VJC	97.20	GIẢM	GIẢM		103.23				113.29		
VNM	91.00	TĂNG	GIẢM	94.00	85.45	-3.19%			105.54		
VPB	16.95	GIẢM	GIẢM		20.83				25.42		
VRE	19.15	GIẢM	GIẢM		20.43				27.26		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	9.39	GIẢM	GIẢM		10.83				12.73		
ANV	12.55	GIẢM	GIẢM		15.40				18.94		
ASM	3.42	GIẢM	GIẢM		4.23				6.00		
BMI	15.20	GIẢM	GIẢM		16.78				20.89		
BMP	33.95	GIẢM	GIẢM		36.50				42.27		
BWE	16.00	GIẢM	GIẢM		18.39				21.73		
CEO	5.90	GIẢM	GIẢM		6.75				8.32		
CII	18.10	GIẢM	GIẢM		20.46				23.64		
CRE	15.00	GIẢM	GIẢM		16.80				19.00		
CTI	21.20	TĂNG	GIẢM	22.20	20.69	-4.50%			23.07		
CTR	27.60	GIẢM	GIẢM		33.04				43.49		
D2D	41.80	GIẢM	GIẢM		48.37				62.96		

We Create Fortune

DBD	47.00	TĂNG	GIẢM	48.80	44.63	-3.69%			50.57		
DCM	5.31	GIẢM	GIẢM		5.84				6.22		
DGW	17.70	GIẢM	GIẢM		20.11				25.53		
DHC	32.00	GIẢM	GIẢM		34.43				41.54		
DIG	10.35	GIẢM	GIẢM		11.60				13.56		
DPG	21.30	GIẢM	GIẢM		25.53				32.83		
DPM	11.45	TĂNG	GIẢM	12.05	10.76	-4.98%			12.75		
DRC	14.55	GIẢM	GIẢM		17.54				21.53		
DXG	7.75	GIẢM	GIẢM		9.72				13.46		
E1VFN30	10.75	GIẢM	GIẢM		11.21				13.19		
FCN	6.79	GIẢM	GIẢM		7.57				8.77		
FLC	2.48	GIẢM	GIẢM		3.18				4.46		
GEG	20.00	GIẢM	GIẢM		20.66				24.24		
GMD	14.95	GIẢM	GIẢM		16.55				19.16		
GTN	13.95	GIẢM	GIẢM		14.89				17.14		
HAG	2.55	GIẢM	GIẢM		2.83				3.58		
HBC	6.02	GIẢM	GIẢM		7.21				10.04		
HCM	11.15	GIẢM	GIẢM		13.38				17.06		
HDC	15.15	GIẢM	GIẢM		16.68				18.98		
HDG	16.40	GIẢM	GIẢM		18.73				23.56		
HPX	28.70	TĂNG	#N/A	27.75	26.63	3.42%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	4.55	GIẢM	GIẢM		5.39				7.39		
HT1	10.00	GIẢM	GIẢM		11.66				13.94		
HTM	10.50	GIẢM	GIẢM		12.73				17.41		
IBC	21.75	TĂNG	TĂNG	20.80	20.85	4.57%		21.75	21.22	0.00%	MUA
IDI	2.85	GIẢM	GIẢM		3.47				4.64		
IJC	8.03	GIẢM	GIẢM		9.22				12.21		
ITA	1.83	GIẢM	GIẢM		2.10				2.48		
KBC	11.10	GIẢM	GIẢM		11.57				13.66		
KDC	14.40	GIẢM	GIẢM		16.68				18.22		
KOS	27.50	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	4.56%	
KSB	12.20	GIẢM	GIẢM		13.81				19.39		
LDG	4.15	GIẢM	GIẢM		5.21				7.48		
LPB	5.60	GIẢM	GIẢM		6.71				8.58		
MBG	5.20	GIẢM	GIẢM		7.51				20.95		
MBS	8.40	GIẢM	GIẢM		9.26				10.98		
MPC	17.70	GIẢM	GIẢM		20.47			24.10	17.84	-25.97%	
NBB	19.50	TĂNG	GIẢM	20.05	18.41	-2.74%			21.34		

We Create Fortune

NKG	4.40	GIẢM	GIẢM		5.43			7.69		
NLG	20.00	GIẢM	GIẢM		20.64			25.36		
NT2	16.25	GIẢM	GIẢM		17.70			19.57		
NTL	15.10	TĂNG	GIẢM	17.00	14.59	-11.18%		20.21		
NVB	7.90	GIẢM	GIẢM		8.93			9.67		
OGC	2.24	GIẢM	GIẢM		2.76			3.50		
PC1	10.10	GIẢM	GIẢM		11.78			14.26		
PDR	24.90	GIẢM	GIẢM		25.89		23.59	25.19	6.76%	BÁN
PHR	33.00	GIẢM	GIẢM		38.82		47.20	38.94	-17.50%	BÁN
PPC	21.10	GIẢM	GIẢM		22.72			26.83		
PTB	34.40	GIẢM	GIẢM		37.95			52.15		
PVD	6.75	GIẢM	GIẢM		8.31			11.30		
PVI	27.20	GIẢM	GIẢM		29.43			31.50		
PVS	9.00	GIẢM	GIẢM		11.23			13.92		
PVT	7.85	GIẢM	GIẢM		8.53			10.72		
QCG	5.34	GIẢM	GIẢM		6.76		4.28	8.28	93.35%	BÁN
SCR	3.59	GIẢM	GIẢM	4.25	3.81	-10.41%	BÁN	5.09		
SGP	5.10	GIẢM	GIẢM		5.59			6.86		
SHB	12.20	TĂNG	TĂNG	12.70	11.09	-3.94%		7.10	9.06	71.83%
SHS	5.70	GIẢM	GIẢM		6.93			8.27		
SZC	12.60	GIẢM	GIẢM		14.65			18.01		
TCH	16.50	GIẢM	GIẢM		20.00			30.14		
TCM	11.40	GIẢM	GIẢM		13.23			17.11		
TDH	5.79	GIẢM	GIẢM		6.72			8.43		
TNG	7.70	GIẢM	GIẢM		10.01			15.30		
TTB	2.21	GIẢM	GIẢM		2.79			4.53		
VGC	14.10	GIẢM	GIẢM		14.80			17.44		
VGT	5.90	GIẢM	GIẢM		7.01			8.92		
VHC	20.50	GIẢM	GIẢM		24.15			30.49		
VND	11.35	GIẢM	GIẢM		12.39			14.43		
VNG	12.60	GIẢM	GIẢM		12.82			15.42		
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		41.91		41.30	40.58	-0.73%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	4.80	TĂNG	GIẢM	5.00	4.34	-4.00%			6.04		
AGR	2.20	GIẢM	GIẢM		2.72				3.40		
AMD	2.74	GIẢM	GIẢM		3.47			3.06	4.01	30.94%	BÁN
APG	8.03	GIẢM	GIẢM		8.89				10.24		
ART	1.90	GIẢM	GIẢM		2.71			2.30	2.29	-0.40%	
BCG	4.19	GIẢM	GIẢM		5.28				6.87		
C4G	3.60	GIẢM	GIẢM		4.56				6.04		
C69	4.40	GIẢM	GIẢM		5.20				8.72		
CCL	3.93	GIẢM	GIẢM		4.72				6.82		
CVT	15.00	GIẢM	GIẢM		16.11				18.25		
DAH	9.20	TĂNG	GIẢM	9.26	7.67	-0.65%			10.18		
DLG	1.39	GIẢM	GIẢM		1.79				2.21		
DRH	3.05	GIẢM	GIẢM		4.03				6.29		
DTD	9.50	GIẢM	GIẢM		10.63				12.73		
EVG	2.24	GIẢM	GIẢM		2.48				2.73		
FIT	4.88	GIẢM	GIẢM		6.05				8.27		
FTM	1.23	GIẢM	GIẢM		1.53				2.60		
FUES SV50	8.80	GIẢM	GIẢM		9.96				11.40		
GKM	15.30	GIẢM	TĂNG		15.66			14.90	14.87	2.68%	
HAH	8.45	GIẢM	GIẢM		9.27				10.61		
HAI	2.58	GIẢM	GIẢM		3.33			3.34	3.52	5.25%	BÁN
HAR	2.17	GIẢM	GIẢM		2.71				3.80		
HDA	6.70	GIẢM	GIẢM		7.14				8.14		
HHP	12.90	TĂNG	TĂNG	13.80	12.49	-6.52%		13.20	11.66	-2.27%	
HHS	3.01	GIẢM	GIẢM		3.62				4.83		
HID	1.85	GIẢM	GIẢM		2.49			2.63	2.35	-10.73%	BÁN
HII	12.85	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	16.82%	
HQC	1.00	GIẢM	GIẢM		1.14			1.15	1.04	-9.96%	BÁN
HSL	3.38	GIẢM	GIẢM		4.43				5.94		
HUT	1.30	GIẢM	GIẢM		1.74				2.33		
HVG	5.62	TĂNG	GIẢM	5.62	5.49	0.00%	MUA		7.45		
HVH	6.52	GIẢM	GIẢM		8.19				11.65		
IDJ	15.70	GIẢM	GIẢM		18.02				19.86		

We Create Fortune

JVC	2.07	GIẢM	GIẢM		2.62			3.79		
KLF	1.40	GIẢM	GIẢM		1.80		1.50	1.44	-4.15%	
LCG	3.70	GIẢM	GIẢM		4.50			6.36		
LGL	3.90	GIẢM	GIẢM		4.92			6.10		
LHG	11.60	GIẢM	GIẢM		12.50			14.04		
LMH	1.07	GIẢM	GIẢM		1.40			3.18		
MST	3.40	GIẢM	GIẢM		4.61			6.21		
NDN	13.30	GIẢM	GIẢM		14.65			16.36		
PHC	9.79	GIẢM	GIẢM		10.30			11.05		
PLP	5.91	GIẢM	GIẢM		7.80			10.50		
PVB	7.60	GIẢM	GIẢM		10.03			13.29		
PVC	4.00	GIẢM	GIẢM		4.67			5.94		
PVX	0.70	GIẢM	GIẢM		0.98			1.20		
PXL	7.50	TĂNG	TĂNG	8.10	7.37	-7.41%	6.70	6.88	11.94%	
SHI	8.01	GIẢM	GIẢM		8.47			9.06		
SJF	1.16	GIẢM	GIẢM		1.35			1.87		
SPP	0.90	GIẢM	GIẢM		1.26			1.85		
TDC	6.24	GIẢM	GIẢM		7.29			8.27		
TIG	4.70	TĂNG	GIẢM	5.30	4.39	-11.32%		7.27		
TLH	2.55	GIẢM	GIẢM		2.86			3.56		
TNA	14.40	GIẢM	GIẢM		15.48			19.53		
TNI	9.30	GIẢM	GIẢM		10.82			10.85		
TSC	1.86	GIẢM	GIẢM		2.29			2.78		
TTF	1.84	GIẢM	GIẢM		2.24		2.85	2.40	-15.81%	BÁN
TTH	1.60	GIẢM	GIẢM		2.02			2.64		
TVC	27.80	GIẢM	TĂNG		29.19		14.30	26.65	94.41%	
VC3	15.50	TĂNG	GIẢM	15.80	15.22	-1.90%		16.61		
VCR	7.10	GIẢM	GIẢM		9.17		12.90	7.61	-41.02%	
VNA	1.90	GIẢM	GIẢM		2.32			3.26		
VNE	3.45	GIẢM	GIẢM		3.60			4.14		
VRC	4.33	GIẢM	GIẢM		5.73			9.04		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	662.53	0.04%
VN30	610.76	-0.37%
VN Mid	658.37	-1.62%
VN Small	571.92	-1.09%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	92.64	-0.69%
HN30	167.89	-0.61%
VNX AllSh	591.5	-0.48%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	47.74	0.23%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	359.19	
Bán	752.4	
GT ròng	-393.22	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	4.76	
Bán	19.28	
GT ròng	-14.51	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	36.00	
Bán	42.89	
GT ròng	-6.89	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SGN	4300	6.94%
ABS	1500	6.80%
E1VFN30	650	6.44%
FRT	650	6.19%
PTB	1500	4.56%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	2500	5.32%
SHB	300	2.52%
NDN	300	2.31%
TAR	700	2.26%
SHS	100	1.79%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VLB	6800	21.79%
CTR	500	1.85%
QNS	400	1.82%
NTC	2300	1.71%
HND	100	0.74%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SCR	-270	-6.99%
DXG	-580	-6.96%
LDG	-310	-6.95%
CTD	-3350	-6.94%
YEG	-3550	-6.93%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	-400	-4.82%
BCC	-200	-3.77%
TNG	-300	-3.75%
PVS	-300	-3.23%
ACB	-400	-2.20%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VEA	-600	-2.10%
BSR	-100	-2.04%
ACV	-100	-0.24%
BOT	0	0.00%
LPB	0	0.00%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	282,095	
VCB	229,950	
VHM	180,923	
VNM	158,465	
BID	124,079	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	29,486	
SHB	21,415	
VCG	10,822	
VCS	8,480	
PVI	6,286	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	92,525	
MCH	40,095	
VEA	37,458	
MVN	17,417	
BCM	17,119	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
AMD	19,890,630	6,370,365
FLC	15,376,460	13,089,295
STB	12,220,160	13,076,925
ROS	11,510,293	7,619,101
HPG	11,383,440	9,158,788

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HUT	6,730,623	4,064,147
KLF	6,640,080	5,372,474
ACB	4,752,153	6,242,971
PVS	4,502,481	4,412,517
SHB	4,308,187	18,640,119

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
LPB	2,241,165	3,777,393
BSR	2,202,715	3,241,119
VLB	1,390,000	2,491
VIB	925,612	1,473,708
ACV	790,345	163,891

Nguồn: Bloomberg & YSVN

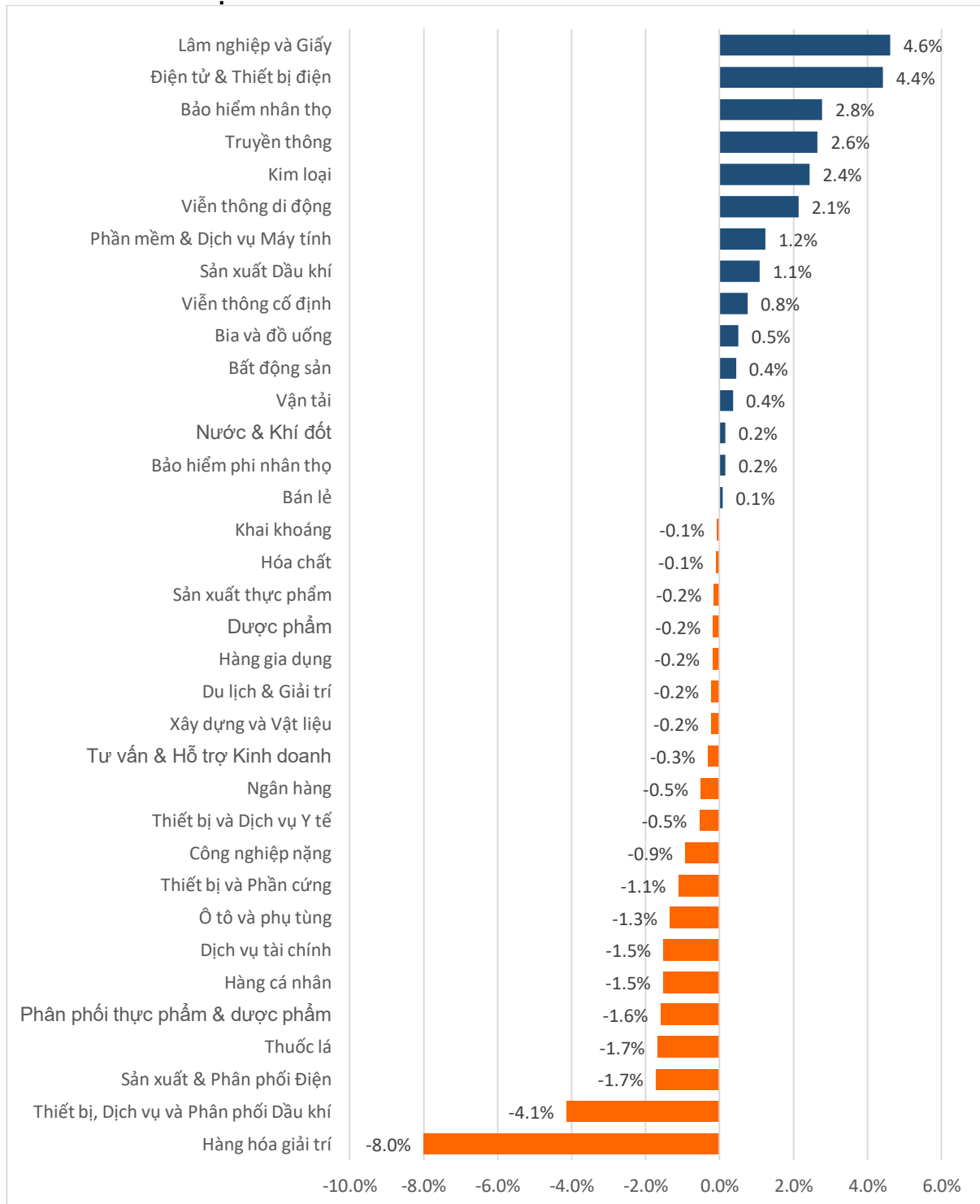
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



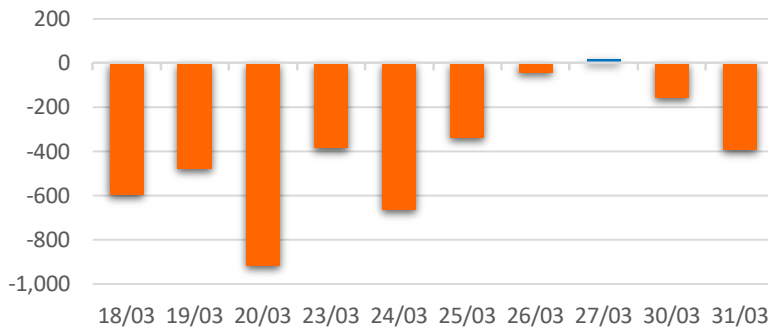
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

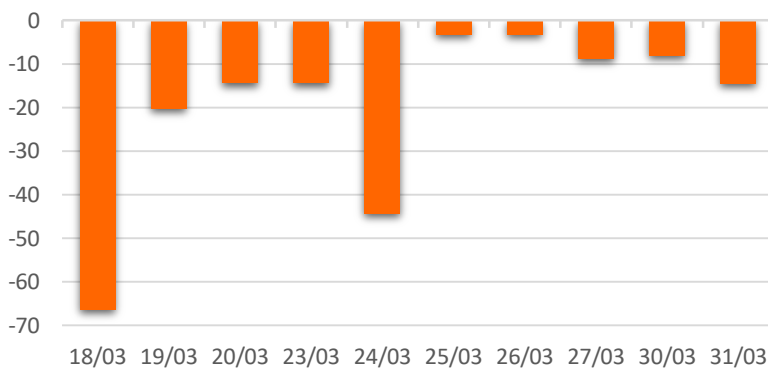
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	6,324	MSN	125,606
VCB	5,045	VIC	72,500
POW	2,854	VNM	35,210
PLX	2,763	HPG	27,528
GAB	2,260	STB	20,958

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

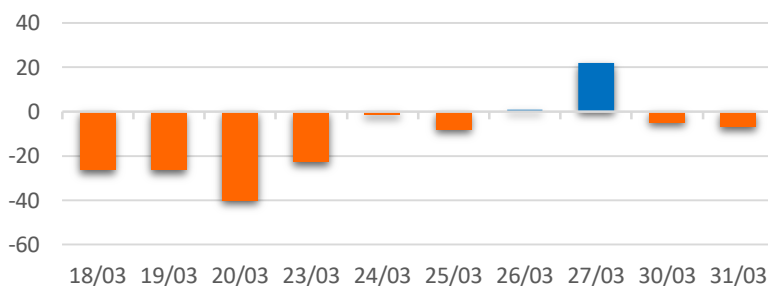
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCS	1,165	PVS	15,109
TIG	497	VHL	916
SHB	120	NTP	268
PVC	117	SHS	121
IDV	87	DNP	107

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	2,244	ACV	4,673
CTR	291	BSR	2,385
BCM	51	VEA	1,486
C4G	46	VIB	1,271
MCH	34	LPB	1,270

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



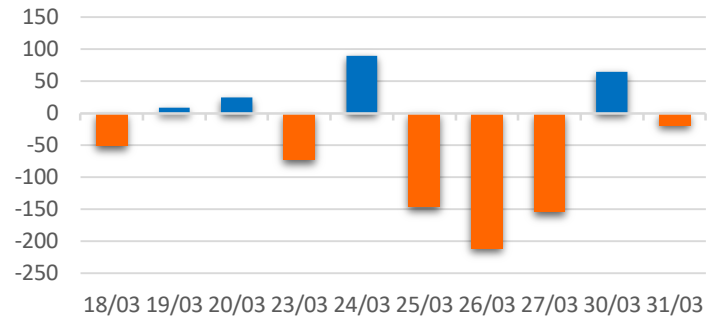
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

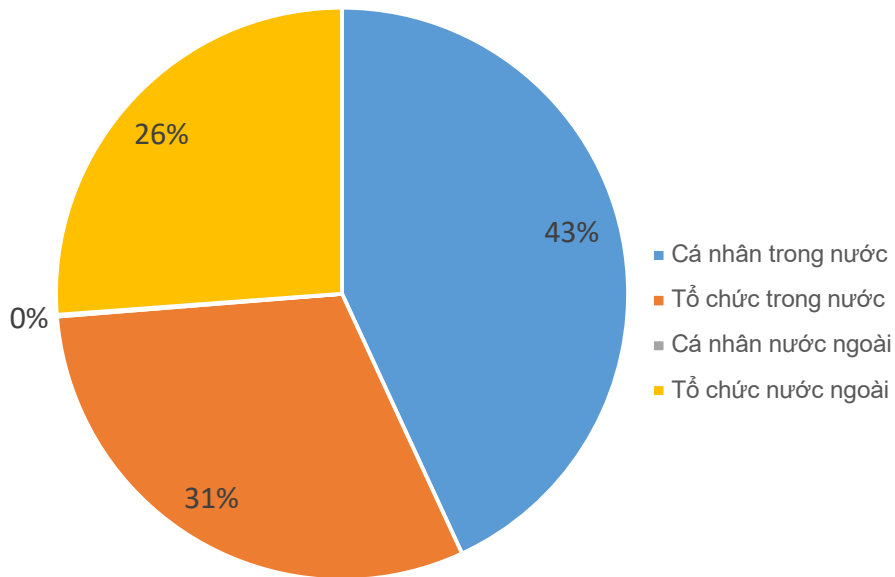
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	8,461	MWG	64,443
MWG	8,303	E1VFN30	15,729
E1VFN30	7,992	#N/A	#N/A
FPT	6,969	HPG	3,169
NBB	4,910	FPT	3,162

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

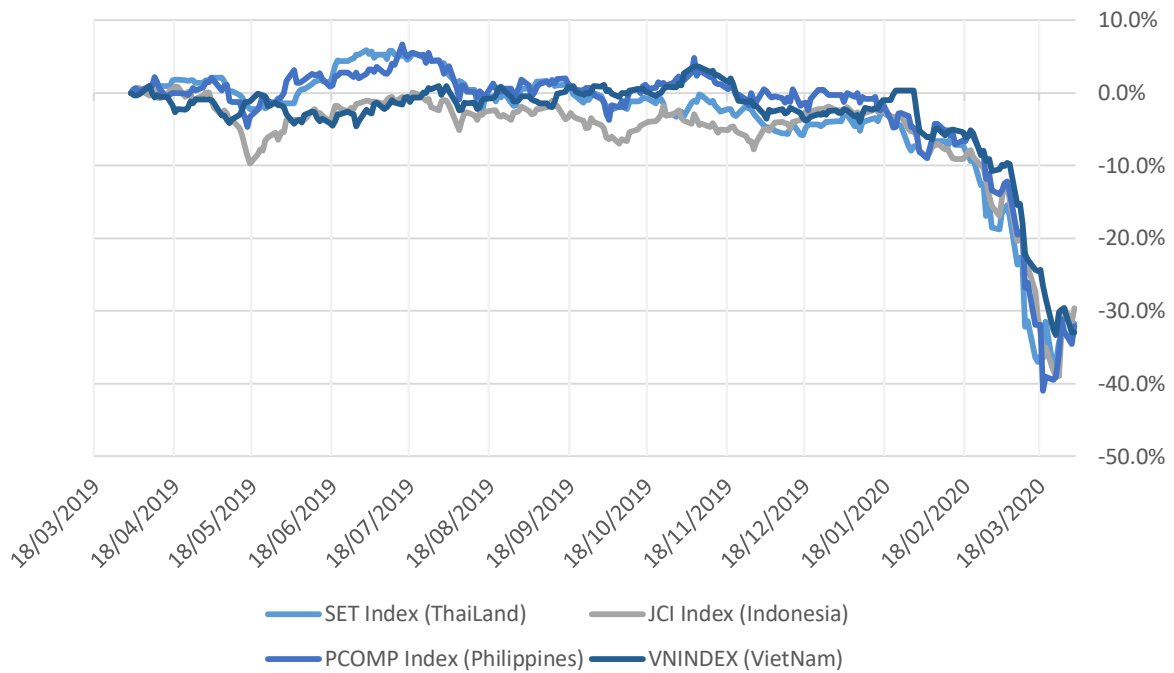


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

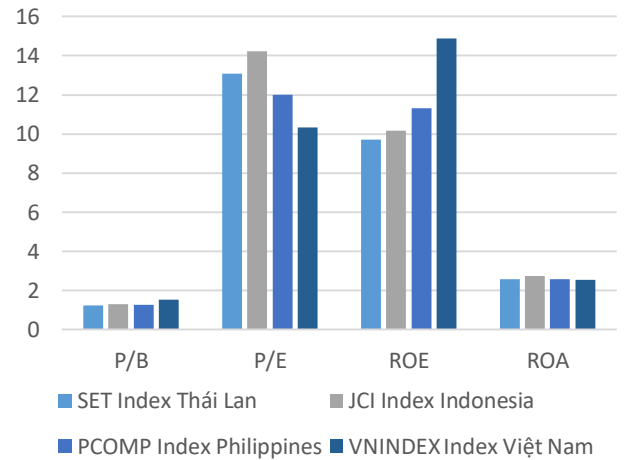
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.2x	1.3x	1.3x	1.5x
P/E		13.1x	14.2x	12.0x	10.3x
ROE	%	9.71	10.15	11.30	14.88
ROA	%	2.57	2.74	2.58	2.54
Vốn hóa	Tỷ USD	355.30	314.35	126.93	97.77
GTGD	Triệu USD	1.09	0.25	0.08	0.10
LS cổ tức	%	4.52	3.51	2.39	2.79

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written